

Bản án số: 906/2024/DS-PT
Ngày 22 tháng 10 năm 2024
“V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đức Thọ

Các thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quang Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Lê Tấn Cường - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 520/2024/TLPT-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3013/2024/QĐPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà B Dương Thị B1, sinh năm 1962; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị B1: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1961; có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

1.2. Bà Dương Thị T, sinh năm 1960; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị T: Ông Ngô Phi L, sinh năm 1955; có mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Luật sư Vũ Quốc T1; có mặt.

- Luật sư Nguyễn Hà P; có mặt.

Công ty L4, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

2. Bị đơn:

2.1. Bà Dương Thị M (Dương Tuyết M1), sinh năm 1952; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Dương Thị M: Ông Lâm Hoàng Q; có mặt.

Địa chỉ: 2 B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Dương Thị M: Luật sư Trịnh Văn L1, Công ty L5 – Chi nhánh T6, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

2.2. Ông Tô Hoàng N (đã chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Tô Hoàng N:

2.2.1. Bà Dương Thị M (Dương Tuyết M1), sinh năm 1952; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2.2.2. Bà Tô Thị Ánh D, sinh năm 1972; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2.2.3. Ông Tô Minh H, sinh năm 1976; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2.2.4. Bà Tô Mộng T2, sinh năm 1977; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2.2.5. Ông Tô Minh L2, sinh năm 1985; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2.2.6. Bà Tô Thị D1, sinh năm 1977; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu; vắng mặt và có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.2. Ông Trần Ngọc V, sinh năm 1948; vắng mặt.

3.3. Bà Võ Thị Á, sinh năm 1950; vắng mặt.

3.4. Ông Trần Thanh T3, sinh năm 1985; vắng mặt.

3.5. Bà Trần Hồng G, sinh năm 1987; vắng mặt.

3.6. Bà Đỗ Ngọc G1, sinh năm 1987; vắng mặt.

3.7. Bà Trần Hồng Đ1, sinh năm 1996; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.8. Ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1962; vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

4. *Người kháng cáo:* Bà Dương Thị M là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Dương Thị B1 trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của cha mẹ ruột là của ông Dương Văn C và bà Lê Thị T5 cho lại cho các con gồm Dương Thị M, Dương Thị B2, Dương Thị T và Dương Thị B1, mỗi người được cho phần đất ngang 30m, dài 46m, đất tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Khi cho đất không làm giấy tờ. Sau khi được cho đất, do diện tích nhỏ nên bà không canh tác mà cho bà Dương Thị M (là vợ của ông Tô Hoàng N) mượn để canh tác.

Đến khoảng năm 2012, bà Dương Thị Mai Ủ phần đất làm ao, bà ngăn cản và yêu cầu bà M giao trả phần đất. Sau đó, bà M có đo đạc và giao trả phần đất ngang 30m, dài 46m. Sau khi được trả đất và làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới biết phần đất này do chồng của bà M là ông Tô Hoàng N đã kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà yêu cầu bà M sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà nhưng bà M không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tô Hoàng N có chiều ngang 30m, dài 46m, diện tích 1.335,9m² nằm tại thửa số 446, tờ bản đồ số 01 để công nhận quyền sử dụng đất cho bà. Sau đó, bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 42,1m² thửa số 619, tờ bản đồ số 6 (phần bờ kênh) và phần đất ngang một đầu 04m, một đầu 00m, diện tích 88,7m² nằm trong phần đất bà Dương Thị M đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Thanh T4.

Bà Dương Thị T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà B1, bà xác định nguồn gốc đất là của cha mẹ ruột là của ông Dương Văn C và bà Lê Thị T5 cho lại cho các con vào khoảng trước năm 1980, gồm Dương Thị M, Dương Thị B2, Dương Thị T và Dương Thị B1, mỗi người được cho phần đất ngang 30m, dài 46m, đất tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Bà sử dụng đến năm 1983, do diện tích nhỏ nên bà không canh tác mà cho bà Dương Thị M mượn để canh tác. Đến khoảng năm 2007, bà yêu cầu đòi lại phần đất thì bà M có giao trả cho bà ngang 30m, dài 46m và bà đã chuyển nhượng ngang 10m cho ông Trần Ngọc V, còn lại 20m đất hiện tại bà đang quản lý. Nay bà mới biết phần đất nêu trên hiện ông Tô Hoàng N1 là chồng của bà M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tô Hoàng N ngang 30m, dài 46m, diện tích 1.330,8m² nằm tại thửa số 446, tờ bản đồ số 01 để công nhận quyền sử dụng đất cho bà. Sau đó, bà rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích đất 47,5m² tại thửa số 619, tờ bản đồ số 6 (phần bờ kênh).

Bị đơn bà Dương Thị M trình bày: Bà xác định nguồn gốc đất là của cha mẹ ruột là của ông Dương Văn C và bà Lê Thị T5 cho lại cho các con gồm Dương Thị M, Dương Thị B2, Dương Thị T và Dương Thị B1, mỗi người được cho phần đất ngang 30m, dài 46m, đất tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Khi cho không làm giấy tờ. Sau khi được cho đất do bà B1, bà T không sử dụng nên đã cho

bà mượn phần đất nói trên sử dụng từ năm 1980 đến nay. Trong quá trình sử dụng đất thì ông Tô Hoàng N có kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1995. Bà xác định chưa giao trả phần đất cho bà B1, bà T và không đồng ý giao trả đất cho bà B1 và bà T. Phần đất bà B1, bà T đang tranh chấp hiện vẫn do bà quản lý và chưa từng đo đạc, giao trả đất cho bà B1, bà T.

Khoảng năm 2018 – 2019, bà đã chuyển nhượng phần đất cho ông Nguyễn Thanh T4 ngang 30m, dài hết hậu đất từ vị trí phần đất cặp ranh với phần đất bà B1 đang tranh chấp với bà trở về phần đất của bà, giá chuyển nhượng là 20.000.000đ/1m ngang. Sau khi ông T4 nhận chuyển nhượng đã trả đủ tiền cho bà, nhưng chưa làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Khi chồng bà là ông Tô Hoàng N còn sống đã đồng ý để bà T chuyển nhượng cho ông Trần Ngọc V ngang 10m, lúc đó bà và ông N không tranh chấp, nhưng bà xác định chỉ cho chuyển nhượng nhưng không đồng ý sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông V. Bà xác định phần đất tranh chấp là của bà, bà không đồng ý giao trả theo yêu cầu của bà B1, bà T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu trình bày:

Ông Tô Hoàng N, sinh năm 1950 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 245/QĐ - UB ngày 10/7/1995 tại thửa số 641, 651, 446, tờ bản đồ số 01 số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất G 804129 là đúng với quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Việc phát sinh tranh chấp đề nghị Tòa án xác minh và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Trần Ngọc V trình bày: Năm 2013, ông có nhận chuyển nhượng phần đất của bà Dương Thị T, ngang 10m, dài 46m, giá chuyển nhượng là 4.000.000đ/1m ngang. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông cất nhà ở và quản lý, sử dụng đến nay. Nay ông yêu cầu bà T làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T thì ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Thanh T4 trình bày: Năm 2018, ông có nhận chuyển nhượng của bà Dương Thị M và ông Tô Hoàng N phần đất ngang 55m, dài hết hậu đất, giá chuyển nhượng là 8.000.000đ/1 mét ngang, ông đã trả đủ tiền cho bà M. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông quản lý, sử dụng đến nay. Phần đất ông nhận chuyển nhượng của bà M có nằm trong phần đất tranh chấp thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Võ Thị Á, bà Đỗ Ngọc G1 trình bày: thống nhất với lời trình bày của ông Trần Ngọc V.

Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính; Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B1, bà Dương Thị T đối với bà Dương Thị M, ông Tô Hoàng N (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N: Bà Dương Thị M, bà Tô Thị Á1; ông Tô Minh H; bà Tô Mộng T2, ông Tô Minh L2, bà Tô Thị D1).

Buộc Bà Dương Thị M, bà Tô Thị Á1; ông Tô Minh H; bà Tô Mộng T2, ông Tô Minh L2, bà Tô Thị D1 giao trả cho bà Dương Thị B1 phần đất diện tích 1.247,2m² nằm tại thửa số 446, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí cụ thể sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của bà Dương Thị T (đang yêu cầu), cạnh dài 44,50m;

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất của bà Dương Thị M, cạnh dài 44,68m; Cạnh hướng Nam giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 30m;

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của bà Lê Hồng L3, cạnh dài 26m (30m – 04m);

Buộc Bà Dương Thị M, chị Tô Thị Á1; anh Tô Minh H; chị Tô Mộng T2, anh Tô Minh L2, chị Tô Thị D1 giao trả cho bà Dương Thị T phần đất diện tích 1330,8m² thuộc thửa số 446, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí cụ thể sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của bà Lê Hồng L3, cạnh dài 44,33m;

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất của bà Dương Thị B1 đang tranh chấp, cạnh dài 44,50m;

- Cạnh hướng Nam giáp bờ kênh thủy lợi, cạnh dài 30m;

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất bà Lê Hồng L3 đang sử dụng, cạnh dài 30m;

2. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tô Hoàng N, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 804129 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 245/QĐ-UB ngày 10/7/1995.

Bà Dương Thị B1, bà Dương Thị T có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Dương Thị B1, yêu cầu bà Dương Thị M, ông Tô Hoàng N (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N: Bà Dương Thị M, bà Tô Thị Á1; ông Tô Minh H; bà Tô Mộng T2, ông Tô Minh L2, bà Tô Thị D1) giao trả phần đất diện tích đất 42,1m² thửa số 619, tờ bản đồ số 6 (phần bờ kênh) và phần đất ngang một đầu 04m, một đầu 00m, diện tích 88,7m².

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Dương Thị T, yêu cầu bà tố tụng Dương Thị M, ông Tô Hoàng N (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông N: Bà Dương Thị M, bà Tô Thị Á1; ông Tô Minh H; bà Tô Mộng T2, ông Tô Minh L2, bà Tô Thị D1) giao trả phần đất diện tích đất 47,5m² tại thửa số 619, tờ bản đồ số 6.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/4/2023, bị đơn bà Dương Thị M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Dương Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên những nội dung đã trình bày tại phiên tòa sơ thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đơn kháng cáo của bị đơn bà Dương Thị M là hợp lệ, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Dương Thị M làm trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét kháng cáo của bà Dương Thị M, thấy rằng:

[2.1] Bà Dương Thị B1 và Dương Thị T khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị M và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông Tô Hoàng N trả lại phần đất diện tích 1.335,9m² và 1330,8m² thuộc thửa 446, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[2.2] Các bên đương sự đều thống nhất thừa nhận, nguồn gốc phần đất nêu trên của cha mẹ là cụ ông Dương Văn C và cụ bà Lê Thị T5 cho con là bà Dương Thị B1 và bà Dương Thị T, mỗi người phần đất ngang 30m, dài 46m. Do diện tích nhỏ nên bà B1, bà T không sử dụng mà cho bà Dương Thị M mượn canh tác từ khoảng năm 1983. Đến năm 1995, chồng bà M là ông Tô Hoàng N tiến hành kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2.3] Do phần đất tranh chấp là của bà B1, bà T cho bà M mượn canh tác vào năm 1983. Tuy nhiên, vào năm 1995 Ủy ban nhân dân huyện G (nay là huyện Đ) đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Tô Hoàng N là cấp sai đối tượng, nên cần thiết hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để công nhận quyền sử dụng đất cho bà Dương Thị B1, Dương Thị T.

Từ những phân tích nêu trên, việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn có kháng cáo nhưng không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án. Vì vậy, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Về án phí phúc thẩm: Bà M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị M; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 27/3/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

2. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị B1, bà Dương Thị T đối với bà Dương Thị M, ông Tô Hoàng N (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tổ tụng của ông N: Bà Dương Thị M, bà Tô Thị Á1; ông Tô Minh H; bà Tô Mộng T2, ông Tô Minh L2, bà Tô Thị D1).

Buộc Bà Dương Thị M, bà Tô Thị Á1; ông Tô Minh H; bà Tô Mộng T2, ông Tô Minh L2, bà Tô Thị D1 giao trả cho bà Dương Thị B1 phần đất diện tích 1.247,2m² nằm tại thửa số 446, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí cụ thể sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của bà Dương Thị T (đang yêu cầu), cạnh dài 44,50m;

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất của bà Dương Thị M, cạnh dài 44,68m; Cạnh hướng Nam giáp kênh thủy lợi, cạnh dài 30m;

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất của bà Lê Hồng L3, cạnh dài 26m (30m – 04m);

Buộc Bà Dương Thị M, chị Tô Thị Á1; anh Tô Minh H; chị Tô Mộng T2, anh Tô Minh L2, chị Tô Thị D1 giao trả cho bà Dương Thị T phần đất diện tích 1330,8m² thuộc thửa số 446, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí cụ thể sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất của bà Lê Hồng L3, cạnh dài 44,33m;

- Cạnh hướng Tây giáp phần đất của bà Dương Thị B1 đang tranh chấp, cạnh dài 44,50m;

- Cạnh hướng Nam giáp bờ kênh thủy lợi, cạnh dài 30m;

- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất bà Lê Hồng L3 đang sử dụng, cạnh dài 30m;

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Tô Hoàng N, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số G 804129 được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định số 245/QĐ – UB ngày 10/7/1995.

2.2. Bà Dương Thị B1, bà Dương Thị T có quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục kê khai, đăng ký và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Dương Thị B1, yêu cầu bà Dương Thị M, ông Tô Hoàng N (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông N: Bà Dương Thị M, bà Tô Thị Á1; ông Tô Minh H; bà Tô Mộng T2, ông Tô Minh L2, bà Tô Thị D1) giao trả phần đất diện tích đất 42,1m² thửa số 619, tờ bản đồ số 6 (phần bờ kênh) và phần đất ngang một đầu 04m, một đầu 00m, diện tích 88,7m².

2.4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của bà Dương Thị T, yêu cầu bà tố tụng Dương Thị M, ông Tô Hoàng N (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông N: Bà Dương Thị M, bà Tô Thị Á1; ông Tô Minh H; bà Tô Mộng T2, ông Tô Minh L2, bà Tô Thị D1) giao trả phần đất diện tích đất 47,5m² tại thửa số 619, tờ bản đồ số 6.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị M được miễn nộp án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu VP , lưu hồ sơ, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Đức Thọ